

Bản án số: 144/2024/DS-PT
Ngày: 30-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp
Ông Trần Văn Nhum

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29 và ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLPT ngày 30/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 (có mặt)

Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Bị đơn:***

Ông Trần Văn H1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Bà Lê Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H trình bày:***

Do trước đó có quan hệ quen biết vay mượn nhiều lần nên vào ngày 08/8/2023, ông N cùng vợ là bà Trần Kim H có cho ông Trần Văn H1 và vợ ông H1 là bà Lê Thị T vay số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), mục đích và về làm

kinh tế. Thời hạn vay 03 ngày, lãi suất thoả thuận miệng với nhau là 20%/01 năm. Hợp đồng được lập tại nhà ông N, bà H khi đó có mặt của ông N, bà H, ông H1 và bà T. Đến hạn trả ông H1 và bà T không trả nên ông N và bà H khởi kiện buộc ông H1 và bà T phải trả 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) tiền gốc và yêu cầu tính tiền lãi từ thời điểm vay 08/8/2023 cho đến khi có Bản án, Quyết định của Toà án với mức lãi suất 20%/01 năm.

** Bị đơn ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị T trình bày:* Ông H1, bà T thừa nhận ngày 08/8/2023 có ký và lặn tay vào hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2023 như ông Nguyễn Văn N đã cung cấp với số tiền vay ghi trong hợp đồng là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Tuy nhiên, ông H1, bà T cho rằng số tiền ghi trong hợp đồng không phải là số tiền gốc mà ông H1 và bà T đã vay của ông N, bà H mà số tiền này bao gồm số gốc và tiền lãi cộng lại từ trước đó ông H1, bà T đã vay của ông N, bà H. Ông H1, bà T chỉ nhớ số tiền gốc khoảng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), tiền lãi khoảng 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) nhưng không nhớ rõ cụ thể là số tiền gốc cụ thể là bao nhiêu, số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu. Nay ông N, bà H yêu cầu ông và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và tiền lãi theo lãi suất 20%/01 năm tính từ thời điểm vay cho đến nay thì ông và bà T không đồng ý vì lý do ông và bà T đã trả cho ông N, bà H tiền lãi quá nhiều rồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H với bị đơn ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H tổng số tiền: 3.202.520.000đ (ba tỷ hai trăm lẻ hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là: 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), số tiền lãi: 202.520.000đ (hai trăm lẻ hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy bỏ quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/4/2024 bị đơn ông Trần Văn H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn là người kháng cáo được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án nhân dân huyện B.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ thời điểm thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS).

Về nội dung: Bị đơn có kháng cáo, vắng mặt lần thứ hai đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định. Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng không yêu cầu hủy các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm nhưng trong bản án sơ thẩm tuyên hủy là không đúng theo quy định. Do vậy, đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H1 làm trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/7/2024, ngày 29/7/2024 và ngày 30/7/2024 người kháng cáo bị đơn ông Trần Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do và không có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H1.

[2] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-ADBPKCTT, ngày 31/01/2024 và Quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2024/QĐ-BPBD ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Xét thấy, trong hồ sơ không thể hiện nội dung để xác định ông N, bà H yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm nhưng cấp sơ thẩm tuyên hủy quyết định nói trên là không có căn cứ và không đảm bảo cho việc thi hành bản án. Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cho biết: Thửa đất số: 278, tờ bản đồ số 2, diện tích 29526,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T huyện B, tỉnh Bình Phước. Đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Trần Văn H1, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 03978, ngày 06/10/2021, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: DB 804995 hiện nay vẫn đứng tên hộ ông Trần Văn H1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-ADBPCKTT, ngày 31/01/2024 và Quyết định áp dụng buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2024/QĐ-BPBD ngày 29/01/2024 là mâu thuẫn với ý chí nguyện vọng của nguyên đơn, không đúng theo tinh thần của Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H1 phải chịu án phí theo quy định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H1.

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H với bị đơn ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H tổng số tiền: 3.202.520.000 đồng (ba tỷ hai trăm lẻ hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), số tiền lãi: 202.520.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-ADBPKCTT, ngày 31/01/2024 với nội dung phong toà tài sản là: Thửa đất số: 278, tờ bản đồ số 2 diện tích đất 29526,9 m² Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B. Đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Trần Văn H1, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 03978, ngày 06/10/2021, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: DB 804995 để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị T phải liên đới chịu số tiền 96.050.400 đồng (chín mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng).

Chi cục thi hành án dân sự huyện B trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H số tiền 47.578.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng), tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0017804, ngày 10/11/2023.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007091 ngày 06/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga